

Số: /BC-SKHCN

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả đánh giá chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) 63 tỉnh thành. Bảng xếp hạng được công bố thể hiện hiện trạng mô hình phát triển kinh tế-xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của 63 tỉnh, thành phố trong năm 2023. Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) là công cụ để mỗi tỉnh/thành phố soi chiếu được chi tiết góc độ ở khía cạnh đầu ra, đầu vào, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, yếu tố tiềm năng và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh năm 2023 như sau:

#### 1. Kết quả chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) tại tỉnh

Dữ liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số PII 2023 được lấy từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất từ số liệu thống kê, quản lý nhà nước được công bố chính thức từ các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức ở trung ương (có 39/52 chỉ số) và nguồn thứ hai do các địa phương thu thập và cung cấp kèm theo các tài liệu minh chứng (có 13/52 chỉ số). Theo kết quả công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định có dân số trung bình năm 2022 là 1.504.300 người; GRDP 2022 là 56,153 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người năm 2022 là 3,897,000 VNĐ/tháng; điểm số đầu vào<sup>1</sup> 41,73; điểm số đầu ra<sup>2</sup> 37,11; điểm số PII 2023 là 39,42; xếp hạng PII 2023 là **23/63** tỉnh/thành phố và xếp thứ **4/14** vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Kết quả đánh giá 52 chỉ số của tỉnh cụ thể như sau:

- Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH, CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của ĐP<sup>3</sup> [Nguồn: Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 44,54/47,00 đạt điểm số **92,28** (Giá trị: là số liệu thể hiện giá trị của chỉ số; Điểm số: là điểm số của chỉ số đã được chuẩn hóa từ giá trị của chỉ số theo thang điểm từ 0 đến 100 với phương pháp min-max (điểm số được sử dụng để tính toán điểm số của nhóm chỉ số, điểm số của nhóm chỉ số sẽ được sử dụng để tính toán điểm số của trụ cột).

<sup>1</sup> đây là điểm số tổng hợp về Đầu vào ĐMST của tỉnh Bình Định, được tính toán từ các chỉ số thành phần, nhóm chỉ số và 05 trụ cột Đầu vào ĐMST, gồm các trụ cột: (i). Thề chế; (ii) Vốn con người và NC&PT; (iii) Cơ sở hạ tầng; (iv) Trình độ phát triển của thị trường; và (v) Trình độ phát triển của doanh nghiệp.

<sup>2</sup> đây là điểm số tổng hợp về Đầu ra ĐMST của tỉnh Bình Định được tính toán từ các chỉ số thành phần, nhóm chỉ số và 02 trụ cột Đầu ra ĐMST, gồm các trụ cột: (i) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, (ii) Tác động

<sup>3</sup> Phạm vi các văn bản quy định chính sách thúc đẩy KH&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của được tính điểm cho chỉ số này bao gồm 13 lĩnh vực: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, (iii) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, (iv) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; (v) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, (vi) Chuyển đổi số, (vii) Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (viii) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, (ix) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn, (x) Phát triển dịch vụ logistics, (xi) Phát triển và thu hút nhân lực, (xii) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, (xiii) Các văn bản chính sách khác có liên quan

- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự<sup>4</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 8,04/8,60 đạt điểm số **73,0**.

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp<sup>5</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 5,29/7,04 đạt điểm số **32,67**.

- Chi phí gia nhập thị trường<sup>6</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 7,25/7,93 đạt điểm số **57,85**.

- Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương<sup>7</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 6,86/7,66 đạt điểm số **49,62**

- Cải cách hành chính<sup>8</sup> [Nguồn: PAR Index-Bộ Nội vụ]: Cho giá trị 85,03/90,10 đạt điểm số **64,07**

- Cạnh tranh bình đẳng<sup>9</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 7,36/7,36 đạt điểm số **100**

- Điểm thi tốt nghiệp THPT trung bình 05 môn học<sup>10</sup> [Nguồn: Bộ GD&ĐT]: Cho giá trị 6,56/7,20 đạt điểm số **57,09**

- Tỷ lệ HSPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật/tổng HSPT<sup>11</sup> [Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định cung cấp]: Cho giá trị 0,2/2.26 đạt điểm số **6,51**

<sup>4</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự gồm 03 chiều cạnh (18 chỉ tiêu): (i) Chiều cạnh 1. Niềm tin của doanh nghiệp vào hệ thống tư pháp: gồm 04 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (ii) Chiều cạnh 2. Chất lượng tòa án cấp tỉnh: 70 gồm 03 chỉ tiêu có dữ liệu từ Tòa án Nhân dân tối cao và 07 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (iii) Chiều cạnh 3. An ninh trật tự: gồm 04 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp.

<sup>5</sup> Chỉ số thành phần Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gồm 03 chiều cạnh (18 chỉ tiêu): (i) Chiều cạnh 1. Đánh giá các thủ tục đề được hỗ trợ trong khuôn khổ: gồm 07 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (ii) Chiều cạnh 2. Hội nhập kinh tế quốc tế: gồm 04 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; (iii) Chiều cạnh 3. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: gồm 02 chỉ tiêu có dữ liệu từ Tổng cục thuế.

<sup>6</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường gồm 03 chiều cạnh (18 chỉ tiêu): (i) Chiều cạnh 1. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp: gồm 09 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; Chiều cạnh 2. Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện: gồm 05 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp; Chiều cạnh 3. Gánh nặng Chi phí gia nhập thị trường chung: gồm 05 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp.

<sup>7</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Báo cáo PCI 2022, chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương gồm 09 chỉ tiêu có dữ liệu từ điều tra doanh nghiệp (mức độ ổn định, nhất quán của môi trường kinh doanh của địa phương; mức độ tin tưởng việc chính quyền địa phương các cấp đã thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân; tính linh hoạt của chính quyền trong tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp...).

<sup>8</sup> Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC gồm 8 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần. Cụ thể: (i) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành 71 chính: 07 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần; (ii) Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần; (iii) Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (iv) Cải cách tổ chức bộ máy: 03 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần; (v) Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần; (vi) Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (vii) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (viii) Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội: 05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.

<sup>9</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Theo Báo cáo PCI 2022, chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng gồm 11 chỉ tiêu từ điều tra doanh nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp lớn bao gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI và cả các doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn và doanh nghiệp “thân quen”. Một số nội dung được khảo sát gồm ưu tiên trong giải quyết khó khăn, vướng mắc, trong thu hút đầu tư, trong tiếp cận đất đai, trong giải quyết thủ tục hành chính, trong tiếp cận thông tin, trong miễn giảm thuế, trong cấp phép khai thác tài nguyên

<sup>10</sup> Điểm thi tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023 của 05 môn gồm: (i) Toán, (ii) Vật lý, (iii) Hóa học, (iv) Sinh học, (v) Ngữ văn.

<sup>11</sup> Tỷ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp huyện (trên tổng số học sinh THCS và THPT toàn địa phương).

- Chi cho giáo dục/1 người đi học<sup>12</sup> [Nguồn: Bộ Tài chính và TCTK]: Cho giá trị 17,97 triệu đồng /27,85 triệu đồng đạt điểm số **34,69**
- Nhân lực NC&PT (toàn thời gian)/10,000 dân<sup>13</sup> [Nguồn: Cục TTKH&CNQG]: Cho giá trị 9,38/64,47 đạt điểm số **23,08**
- Tỷ lệ chi NSDP cho KH&CN/GRDP (%)<sup>14</sup> [Nguồn: Sở KH&CN]: Cho giá trị 0,14/0,40 đạt điểm số **88,49**
- Chi NC&PT/GRDP(%)<sup>15</sup>[Nguồn: Cục TTKH&CNQG]: Cho giá trị 0,07/0,46 đạt điểm số **26,73**
- Số tổ chức KH&CN/10,000 dân<sup>16</sup> [Nguồn: Văn phòng đăng ký hoạt động KH&CN và Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 0,09/3,06 đạt điểm số **11,61**
- Hạ tầng số<sup>17</sup> [Nguồn: DTI - Bộ TT&TT]: Cho giá trị 0,62/0,83 đạt điểm số **59,69**
- Quản trị điện tử<sup>18</sup>[Nguồn: PAPI]: Cho giá trị 2,87/3,71 đạt điểm số **45,59**
- Hạ tầng cơ bản<sup>19</sup> [Nguồn: VCCI]: Cho giá trị 56,10/69,45 đạt điểm số **59,31**
- Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu CN/tổng diện tích đất CN theo quy hoạch (%)<sup>20</sup> [Nguồn: Ban quản lý khu công nghiệp/Ban quản lý khu kinh tế tỉnh/thành phố chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở KH&CN, Sở Công thương, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan khác]: Cho giá trị 44,65/100 đạt điểm số **44,56**

<sup>12</sup> Chi từ ngân sách địa phương (gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) trung bình cho một học sinh (gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và dạy nghề) và chi cho giáo dục và đào tạo trung bình của hộ gia đình cho một người đi học (từ bậc mầm non cho đến dạy nghề) trong năm 2020.

<sup>13</sup> Nhân lực NC&PT là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (được thanh toán) cho dịch vụ của họ, bao gồm cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật, và nhân viên hỗ trợ.

<sup>14</sup> Chi KH&CN từ ngân sách địa phương gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp), (ii) Chi đầu tư phát triển

<sup>15</sup> Về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác

<sup>16</sup> Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đăng ký hoạt động tại Sở KH&CN địa phương và Bộ KH&CN).

<sup>17</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Chuyên đổi số (DTI) do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và công bố. Bộ chỉ số DTI có cấu trúc theo 3 trụ cột là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, bao gồm 09 chỉ số chính, trong đó có Hạ tầng số. Chỉ số chính Hạ tầng số gồm 07 chỉ số thành phần: (i) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; (ii) Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; (iii) Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cáp quang; (iv) Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng; (v) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyên đổi số theo hướng 73 sử dụng công nghệ điện toán đám mây; (vi) Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung; (vii) Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số

<sup>18</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh Việt Nam (PAPI) được UNDP và các tổ chức đối tác nghiên cứu xây dựng từ năm 2008. Chỉ số PAPI có 8 trụ, trong đó Trụ 8 là Quản trị điện tử. Trụ Quản trị điện tử gồm 3 nhóm chỉ số: (i) Sử dụng công nghệ thông tin điện tử của chính quyền địa phương; (ii) Tiếp cận và sử dụng internet tại địa phương; (iii) Phục đáp qua công nghệ thông tin điện tử

<sup>19</sup> Chỉ số cơ sở hạ tầng do VCCI xây dựng và công bố trong Báo cáo PCI (nhưng không được đưa vào tính toán điểm số và xếp hạng PCI). Chỉ số này được xây dựng dựa trên kết hợp nguồn thông tin của cơ quan nhà nước và khảo sát doanh nghiệp. Chỉ số Cơ sở hạ tầng trong PCI 2022 gồm 05 chiều cạnh: (i) Hạ tầng khu công nghiệp; (ii) Hạ tầng đường bộ; (iii) Hạ tầng điện năng; (iv) Hạ tầng viễn thông; (v) Các loại hạ tầng khác.

<sup>20</sup> Diện tích đất công nghiệp là phần diện tích đất trong KCN dành cho nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh; được xác định trong quy hoạch xây dựng KCN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng hạ tầng của các KCN là diện tích đã được xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật để cho các nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh.

- Quản trị Môi trường<sup>21</sup> [Nguồn: PAPI]: Cho giá trị 3,36/4,63 đạt điểm số **30,16**
- Tín dụng cho khu vực tư nhân/1,000 lao động (tỷ đồng)<sup>22</sup> [Nguồn: NHNNVN]: Cho giá trị 111,45/691,36 đạt điểm số **22,54**
- Tài chính vi mô/GRDP (%)<sup>23</sup> [Nguồn: NHCSXH]: Cho giá trị 0,04/0,09 đạt điểm số **62,45**
- Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD (tỷ đồng)<sup>24</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 30,02/114,59 đạt điểm số **13,13**
- Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động có kết quả SXKD (tỷ đồng)<sup>25</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 15,84/55,11 đạt điểm số **21,42**
- Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/trên tổng DN<sup>26</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 65,17/115,24 đạt điểm số **45,08**
- Mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1,000 dân<sup>27</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 5,10/29,20 đạt điểm số **27,82**
- Đóng góp vào GDP cả nước (%)<sup>28</sup> [Nguồn: Cục thống kê địa phương]: Cho giá trị 0,61/15,98 đạt điểm số **9,88**
- Tỷ lệ Chi đào tạo lao động/tổng chi phí của doanh nghiệp (%)<sup>29</sup> [Nguồn: PCI-VCCI]: Cho giá trị 10,07/12,90 đạt điểm số **73,07**
- Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo (%)<sup>30</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 25,01/50,30 đạt điểm số **34,09**

<sup>21</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh Việt Nam (PAPI) được UNDP và các tổ chức đối tác nghiên cứu xây dựng từ năm 2008. Chỉ số PAPI có 8 trục, trong đó Trục 7 là Quản trị môi trường. Trục Quản trị môi trường gồm 3 nhóm chỉ số: (i) nghiêm túc trong bảo vệ môi trường; (ii) chất lượng nước; (iii) chất lượng không khí.

<sup>22</sup> Phản ánh sự sẵn có và mức tín dụng tiếp cận được ở địa phương nhằm phục vụ sản xuất - kinh doanh, bao gồm thực hiện hoạt động ĐMST ở địa phương. Dư nợ tín dụng của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có trụ sở/chi nhánh ở địa phương: là toàn bộ số dư bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một thời điểm cụ thể của các tổ chức Tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với các pháp nhân, cá nhân là người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực vực tư nhân và là khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình

<sup>23</sup> Tài chính vi mô là việc cấp cho các hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ các khoản vay nhỏ (gọi là tín dụng vi mô), nhằm mục đích giúp họ tham gia vào các hoạt động sản xuất hoặc khởi tạo các hoạt động kinh doanh nhỏ. Các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao cung cấp nhiều tài chính vi mô hơn các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo thấp, do vậy, chỉ số này là chỉ số nghịch đảo.

<sup>24</sup> Phản ánh mức đầu tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng năm, trong đó có các hoạt động ĐMST của doanh nghiệp ở địa phương. Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là số tiền ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tổng số vốn tự có (nguồn vốn chủ sở hữu) của doanh nghiệp và các khoản nợ phải trả (các khoản nợ vay và nợ phải trả khác). Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của doanh nghiệp được tính bằng bình quân vốn kinh doanh của thời điểm đầu năm và cuối năm

<sup>25</sup> Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

<sup>26</sup> Các doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KHCN bao gồm các doanh nghiệp hoạt động pháp luật, kế toán, kiểm toán; dịch vụ trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác

<sup>27</sup> Phản ánh quy mô thị trường của địa phương. Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính trên 1,000 dân của địa phương

<sup>28</sup> Tỷ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước

<sup>29</sup> Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Dữ liệu của chỉ tiêu Chi phí đào tạo lao động được thu thập từ khảo sát doanh nghiệp, được tính theo tỉ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động

<sup>30</sup> Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ so sánh số lao động đang làm việc đã qua đào tạo với tổng số lao động đang làm việc trong kỳ

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT (%)<sup>31</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 0,70/29,30 đạt điểm số **17,07**

- Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp (%)<sup>32</sup> [Nguồn: Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 0,46/77,45 đạt điểm số **0,97**

- Tỷ lệ các dự án đầu tư đang SXKD trong các khu công nghiệp/tổng số DN đang hoạt động của địa phương (%)<sup>33</sup> [Nguồn: Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan khác]: Cho giá trị 47,64/135,82 đạt điểm số **35,08**

- Tỷ lệ các dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm CN/tổng số DN đang hoạt động của địa phương (%)<sup>34</sup> [Nguồn: Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 53,2/111,39 đạt điểm số **47,76**

- Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%)<sup>35</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 0,02/0,27 đạt điểm số **12,85**

- Tỷ lệ DN có hoạt động ĐMST/tổng doanh nghiệp (%)<sup>36</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 1,10/25,60 đạt điểm số **28,57**

- Tỷ lệ DN có ISO/tổng số doanh nghiệp<sup>37</sup> [Nguồn: Tổng cục TĐC]: Cho giá trị 8,36/35,41 đạt điểm số **13,53**

- Đơn đăng kí sáng chế, GPHI/10,000 dân<sup>38</sup> [Nguồn: Cục SHTT]: Cho giá trị 0,03/2,37 đạt điểm số **6,52**

<sup>31</sup> Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm 2020, Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không? Nếu có, hình thức thực hiện là gì: 1. Doanh nghiệp tự thực hiện; 2. Doanh nghiệp thuê ngoài”.

<sup>32</sup> Tổng chỉ nhiệm vụ KH&CN có hợp tác giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp từ NSDP trong tổng chỉ nhiệm vụ KH&CN của địa phương năm 2022

<sup>33</sup> (Các dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp bao gồm (i) doanh nghiệp đã đăng kí thành lập mới và đang hoạt động trong các khu công nghiệp ở địa phương; (ii) cơ sở/nhà máy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có trụ sở ở ngoài khu công nghiệp của địa phương đang hoạt động trong các khu công nghiệp của địa phương. Các khu công nghiệp ở địa phương được tính trong chỉ số này bao gồm: (i) khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp mở rộng (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (ii) khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (iii) khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao); (iv) khu CNTT tập trung (theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP); (v) vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định 66/2015/QĐ-TTg).

<sup>34</sup> (Các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp mới hoặc là một dự án của doanh nghiệp đang hoạt động ở ngoài cụm hoặc trong cụm (một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư trong cụm công nghiệp). Các cụm công nghiệp ở địa phương bao gồm: cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP).

<sup>35</sup> Vốn Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép năm 2022, bao gồm vốn cấp mới và vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp giấy phép từ các năm trước

<sup>36</sup> Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Tổng cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm 2020, Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây? Đổi mới/cải tiến sản phẩm 1. Có, 2. Không; Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động: 1. Có 2. Không; Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh 1. Có 2. Không”

<sup>37</sup> Các tiêu chuẩn được tính đến trong chỉ số này như Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Tiêu chuẩn ISO 56000, Tiêu chuẩn ISO 45001, Tiêu chuẩn ISO khác. Doanh nghiệp đạt bất kì chứng nhận ISO nào đều được tính là có chứng nhận ISO.

<sup>38</sup> Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ độc quyền dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Giải pháp kỹ thuật – đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là sáng chế là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức kỹ thuật và/hoặc phương tiện kỹ thuật (ứng dụng các quy luật tự nhiên) nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định. Giải pháp kỹ thuật có thể thuộc một trong các dạng: (i) Sản phẩm; (ii) Quy trình hay phương pháp

- Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân<sup>39</sup> [Nguồn: Cục Trồng trọt]: Cho giá trị 0,07/0,60 đạt điểm số **44,11**
- Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN<sup>40</sup> [Nguồn: Cục SHTT]: Cho giá trị 79,09/278,70 đạt điểm số **16,65**
- Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10,000 dân<sup>41</sup> [Nguồn: Cục SHTT]: Cho giá trị 0,44/1,27 đạt điểm số **32,12**
- Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10,000 dân<sup>42</sup> [Nguồn: Cục SHTT]: Cho giá trị 0,12/1,97 đạt điểm số **7,87**
- Số lượng chỉ dẫn địa lý đã được cấp GCN bảo hộ<sup>43</sup> [Nguồn: Cục SHTT]: Cho giá trị 0,0/0,05 đạt điểm số **0**
- Số DN mới thành lập/10,000 dân<sup>44</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 8,23/48,38 đạt điểm số **29,68**
- Số DN KH&CN và tương đương/1,000 DN<sup>45</sup> [Nguồn: Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 2,19/7,36 đạt điểm số **29,8**
- Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST/tổng số DN mới thành lập<sup>46</sup> [Nguồn: Địa phương cung cấp]: Cho giá trị 8,89/16,43 đạt điểm số **54,08**
- Chỉ số sản xuất công nghiệp<sup>47</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 107,00/132,90 đạt điểm số **54,56**
- Số sản phẩm OCOP 4 sao/tổng số xã của địa phương<sup>48</sup> [Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn]: Cho giá trị 0.29/2,03 đạt điểm số **31,91**
- Giá trị xuất khẩu/GRDP (%)<sup>49</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 0,75/5,15 đạt điểm số **20,64**

<sup>39</sup> Giống cây trồng được bảo hộ là giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp.

<sup>40</sup> Nhãn hiệu là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu phải là những dấu hiệu nhìn thấy được 78 dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc

<sup>41</sup> Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó

<sup>42</sup> Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này

<sup>43</sup> Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

<sup>44</sup> Phản ánh kết quả của những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và sự quan tâm, khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương và kết quả phát huy tinh thần doanh nhân, nguồn lực của xã hội cho sản xuất kinh doanh

<sup>45</sup> (Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ). Doanh nghiệp KH&CN phải được cấp giấy chứng nhận để có căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc)

<sup>46</sup> (Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Đối với chỉ số này, chỉ tính các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ của địa phương (ví dụ: các nhiệm vụ, hoạt động triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 tại địa phương, triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, ...).

<sup>47</sup> Chỉ số sản xuất công nghiệp là chỉ tiêu đánh giá tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng tháng, quý, năm. Chỉ số được tính dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất, nên còn được gọi là “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp”.

<sup>48</sup> (Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững (Theo QĐ 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022). Các sản phẩm OCOP phải được cấp giấy chứng nhận và còn thời hạn theo quy định. Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên)

<sup>49</sup> Trị giá thống kê hàng xuất khẩu, nhập khẩu là trị giá do cơ quan hải quan xây dựng phục vụ cho mục đích thống kê trên cơ sở trị giá khai báo và tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của

- Tốc độ tăng năng suất lao động<sup>50</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 0,10/0,21 đạt điểm số **71,04**

- Tốc độ giảm nghèo<sup>51</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị -1,60/7,00 đạt điểm số **56,78**

- Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế so với tổng dân số (%)<sup>52</sup>[Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 54,90/64 đạt điểm số **66,85**

- Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng)<sup>53</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 3,9/8,08 đạt điểm số **30,51**

- Chỉ số phát triển con người<sup>54</sup> [Nguồn: TCTK]: Cho giá trị 0,72/0,82 đạt điểm số **55,2**

Từ số liệu đánh giá Bộ Khoa học và Công nghệ (*tài liệu đính kèm*) đã chỉ rõ 5 điểm mạnh của tỉnh trong năm 2023 là: Chính sách thúc đẩy KH&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH; Cạnh tranh bình đẳng; Chi cho khoa học và công nghệ/GRDP (%); Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của DN (%) và 5 điểm yếu của tỉnh là: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Tài chính vi mô/GRDP(%); Đơn đăng ký nhãn hiệu/1,000 DN; Chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ/tổng số xã; Tốc độ giảm nghèo

## 2. Đề xuất, kiến nghị

- Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực để tổ chức thu thập và cung cấp dữ liệu kịp thời, chính xác phục vụ tính toán chỉ số Đổi mới sáng tạo. Đồng thời, quan tâm chỉ đạo các Sở, ban, ngành cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành trước ngày 15/7 hàng năm để phục vụ tính toán chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh;

- Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thành lập Ban chỉ đạo triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) của tỉnh. Qua đó, Ban chỉ đạo sẽ giúp UBND tỉnh hoạch định các chính sách cũng như lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho phát triển KT-XH của địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh trong việc cải thiện, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

<sup>50</sup> Năng suất lao động phản ánh hiệu suất làm việc của lao động, đo bằng tổng sản phẩm tính bình quân một lao động trong thời kỳ tham chiếu. Tốc độ tăng năng suất lao động thể hiện năng suất lao động cải thiện được như thế nào của năm tham chiếu so với năm trước đó.

<sup>51</sup> Chuẩn nghèo là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP

<sup>52</sup> Theo Bộ luật lao động Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi. Lao động có việc làm của địa phương đang có việc làm so với tổng dân số của địa phương trong cùng một năm.

<sup>53</sup> Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng được tính bằng cách chia tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ và chia cho 12 tháng. Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm

<sup>54</sup> HDI là Chỉ tiêu kinh tế - xã hội tổng hợp đo lường sự phát triển của con người trên 3 phương diện: Sức khỏe, giáo dục và thu nhập của quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa bàn địa phương của quốc gia, vùng lãnh thổ trong kỳ quan sát.

Trên đây là báo cáo Kết quả đánh giá chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2023 của tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ngân hàng NNVN chi nhánh tỉnh Bình Định;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Công Nhưng**